

Để vươn lên giữ vị trí nòng cốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, thực hiện công nghiệp hóa, đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ nước ta trong hơn 50 năm qua đã có sự phát triển vượt bậc về cả số lượng lẫn chất lượng. Ở thời điểm Cách mạng tháng Tám (1945) số trí thức tham gia cách mạng chỉ có 140 người có trình độ cao đẳng, 24 người có trình độ đại học, 8 người có trình độ trên đại học. Năm 1945 ở miền Bắc nước ta riêng trong các ngành công nghiệp có 8.000 cán bộ đại học, 20.000 cán bộ trung học chuyên nghiệp và khoảng 210.000 công nhân kỹ thuật, còn ở các tỉnh miền Nam mới giải phóng có trên 30.000 người có trình độ kỹ thuật từ trung cấp trở lên, trong đó có khoảng 16.000 người có trình độ đại học. Đến nay cả nước đã có khoảng 4 triệu lao động kỹ

VÀI NÉT VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Thạc sĩ NGUYỄN CHÍ HẢI

Ảnh Nguyễn Trung Thanh



thuật trong đó trên 1,2 triệu người có trình độ trung cấp, trên 700.000 người có trình độ đại học, cao đẳng, gần 10.000 tiến sĩ, phó tiến sĩ và thạc sĩ. Bên cạnh đó còn phải kể đến khoảng hơn 300.000 trí thức Việt kiều ở nước ngoài.

Đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ của nước ta hiện nay mỗi năm được bổ sung từ 109 trường đại học cao đẳng, 267 trường trung học chuyên nghiệp, 237 trường và hàng ngàn trung tâm hướng nghiệp dạy nghề cấp quận, huyện... Riêng các cơ quan nghiên cứu của trung ương hiện nay gồm hơn 300 viện nghiên cứu với hơn 25.000 nhà khoa học.

Đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ nêu trên là vốn quý của đất nước, là đội ngũ nòng cốt khá hùng hậu có vai trò quyết định trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên phân tích thực

trạng đội ngũ này hiện nay, đặc biệt là so sánh thực trạng với nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì chúng ta thấy có nhiều mặt hạn chế rất đáng lo ngại.

Thứ nhất, đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ của chúng ta hiện nay còn mỏng và chưa mạnh.

Ở nước ta tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học là 10.000 người/triệu dân so với Singapore là 16.000, ở Italia 20.787, Pháp 23.750, Hàn Quốc 52.000 và Nhật Bản là 70.000. Như vậy tỷ lệ này ở VN là rất thấp. Tỷ lệ cán bộ kỹ thuật trung cấp và công nhân kỹ thuật lành nghề so với tổng số dân cũng ở mức độ rất thấp. Theo thống kê đến hết năm 1995, ở nước ta số người qua đào tạo mới chỉ chiếm 13,5% tổng số lao động xã hội (cao đẳng, đại học và trên đại học 2,4%, trung học chuyên nghiệp 3,7%, công nhân kỹ thuật 7,4%) trong khi ở các

nước trong khu vực, tỷ lệ này từ 45 đến 50%.

Tuy đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ chỉ có tỷ lệ thấp như đã nêu ở trên, nhưng nguồn đào tạo cũng rất hạn chế. Chỉ xem xét về đào tạo đại học và trên đại học, ta thấy: hiện nay ở nước ta tính trung bình cứ 100.000 dân thì có 250 sinh viên, tỷ lệ này thấp so với nhiều nước trên thế giới và khu vực, như Thái Lan là 2.140 sinh viên, Hàn Quốc 2.400 và Philippines 2.642 sinh viên/100.000 dân. Về đào tạo sau đại học, hiện nay cả nước có hơn 80 cơ sở đào tạo cao học và nghiên cứu sinh, nhưng sau 10 năm (1976 - 1986) chúng ta mới đào tạo được 786 phó tiến sĩ và 5 tiến sĩ, trong khi cùng thời gian này số phó tiến sĩ và tiến sĩ được đào và tạo từ các nước là 3.166 người. Hiện nay trong số 579 ngành cần đào tạo sau đại học, chúng ta mới có cán bộ đầu ngành đủ năng lực hướng dẫn nghiên cứu sinh ở 273 chuyên ngành. Theo Bộ giáo dục và đào tạo thì nước ta còn 304 chuyên ngành chưa đào tạo sau đại học được, trong đó khoa học tự nhiên 29 ngành, khoa học xã hội 65 ngành, khoa học kỹ thuật 158 ngành...

Về chất lượng, nhìn chung đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ của nước ta được trang bị trình độ lý thuyết tốt, có khả năng tiếp thu các tri thức khoa học tiên tiến nhưng chưa được cập nhật tri thức hiện đại của thế giới, bị hổng nhiều hiểu biết về công nghệ, quản trị, ngoại ngữ... thiếu cán bộ chủ chốt có khả năng tổ chức thực hiện những chương trình nghiên cứu có tính chất đột phá tiên phong cao. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, chúng ta nhiều năm xây dựng các ngành khoa học nhưng chưa có các trường phái khoa học, khả năng hợp tác liên ngành còn hạn chế...

Thứ hai, tỷ lệ lực lượng cán bộ khoa học, công nghệ được phân bố trong các ngành kinh tế, các cơ quan và các vùng lãnh thổ còn nhiều điểm bất hợp lý, thiếu cân đối, do vậy khả năng khai thác tiềm lực của đội ngũ này nhìn chung còn thấp.

Theo số liệu thống kê ở thời điểm 1.7.1995 của Tổng cục thống kê thì lực lượng lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên ở khu vực kinh tế và hành chính sự nghiệp tổng cộng là 594.744 người, trong đó tại các cơ sở sản xuất kinh doanh là 194.843 người chiếm 32,7% và tại các cơ quan hành chính sự nghiệp là 399.901 người chiếm 67,3%. Như vậy tỷ lệ cán bộ khoa học, công nghệ trực tiếp làm việc ở khu vực doanh nghiệp thấp so với khu vực hành chính sự nghiệp. Thực ra tỷ lệ 32,7% năm 1995 nếu so với các năm trước: 28% (1987) và 32%

(1990), con số đó có tăng lên nhưng so với nhiều nước khác thì vẫn còn rất thấp: Hàn Quốc 48%, Thái Lan 58,2%, Nhật Bản 64,4%...

Cũng theo tư liệu của Tổng cục thống kê, kết quả phân tích tỷ lệ lao động theo chuyên môn thì lao động có trình độ cao đẳng trở lên tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể chiếm 27,6% tổng số lao động của khu vực này, trong khi tỷ lệ này ở các cơ sở sản xuất kinh doanh chỉ là 3,7%, khu vực kinh tế cá thể còn thấp hơn chỉ 0,5%. Đây là một sự chênh lệch quá lớn.

Phân bố lực lượng cán bộ khoa học, công nghệ giữa các cơ quan trung ương và địa phương cũng có sự chênh lệch rất lớn. Năm 1992 số cán bộ có trình độ trên đại học làm việc trong các cơ quan trung ương chiếm 94,4%, ở địa phương chỉ có 5,6%. Hiện nay đội ngũ cán bộ có trình độ cao đẳng đại học tại các cơ quan khoa học, công nghệ của trung ương (các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và các cơ quan nghiên cứu...) chiếm tới 62,7% tổng số lao động tại khu vực này, gấp hai lần ở các đơn vị hành chính sự nghiệp.

Sự mất cân đối trong phân bố cán bộ khoa học, công nghệ còn thể hiện giữa khu vực nông thôn với thành thị, giữa các địa phương có kinh tế và mức sống thấp với các trung tâm công nghiệp. Hiện nay lực lượng chất xám tập trung khá đông đảo tại các thành phố lớn nơi có các trường đại học, viện nghiên cứu, nơi mà đội ngũ chất xám thấy có điều kiện làm việc, cống hiến và khả năng thăng tiến. Ở TP.HCM hiện nay có khoảng 20.000 cán bộ đại học/1 triệu dân (cả nước là 10.000/1 triệu dân), với đội ngũ trí thức khoảng 100.000 người, số người có học vị tiến sĩ, phó tiến sĩ là 800. Con số này còn rất khiêm tốn so với nhiều nước trong khu vực và so với nhu cầu của thành phố hiện nay, nhưng cao hơn rất nhiều so với mức chung của cả nước. Trong khi đó lực lượng cán bộ khoa học, công nghệ ở nông thôn, đặc biệt là miền núi, ngoài lực lượng giáo viên tiểu học, y tế, thủy lợi, công nhân kỹ thuật nông lâm nghiệp thì hầu như mỗi xã chưa được vài ba cán bộ cao đẳng, đại học. Số liệu thống kê năm 1992 cho thấy, cả nước có 35.000 cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp thì hầu hết bám huyện chứ chưa bám đông ruộng. Một thực trạng đáng lo ngại là trong khi vùng nông thôn và các địa phương khác đang thiếu trầm trọng lực lượng chất xám thì hàng năm lực lượng sinh viên tốt nghiệp đại học ra trường chưa có việc làm chiếm tỷ lệ ngày càng tăng. Theo số liệu thống kê của Bộ giáo dục và đào tạo, tỷ lệ sinh viên chưa có việc làm

mỗi năm một tăng lên: năm 1988 là 10,7%, 1989 là 18,3%, năm 1990 là 20,3%, năm 1991 là 34% và 1992 là 41,7%. Theo số liệu năm 1992 thì số sinh viên chưa có việc làm tại Hà Nội là 8.200 người và TP.HCM là 5.814 người.

Thứ ba; trong cơ cấu về chuyên môn và tỷ lệ giữa các cấp bậc trình độ của đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ cũng còn những mặt chưa hợp lý.

Ở nước ta hiện nay nơi tập trung lực lượng khoa học mạnh nhất là các ngành khoa học tự nhiên. Kết quả điều tra tại 233 đơn vị khoa học, công nghệ của trung ương năm 1995 cho thấy khối khoa học tự nhiên chiếm tới 48,6% số tiến sĩ (107/390 người) và 25,3% số phó tiến sĩ (501/1977 người). Trong khi đó lực lượng cán bộ khoa học trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn, nhất là đội ngũ cán bộ lý luận còn rất mỏng.

Trong điều kiện của VN hiện nay việc tập trung nghiên cứu ứng dụng, tiếp thu và làm chủ công nghệ mới phải được coi là vấn đề trọng tâm, song hiện nay vấn đề này còn rất hạn chế. Hiện nay cứ 100 cán bộ có trình độ đại học thì có 25 người làm việc ở các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, song chúng ta đang thiếu những cán bộ có trình độ cao về công nghệ, nhất là những ngành có khả năng phát triển thuận lợi ở nước ta như công nghệ thông tin, công nghệ hóa dầu, công nghệ sinh học... Có những lĩnh vực công nghệ hiện nay chúng ta còn đào tạo quá ít như số cán bộ khoa học trong ngành công nghiệp hàng tiêu dùng chỉ chiếm 1,6%, công nghiệp in và xuất bản chỉ chiếm 0,4% trong tổng số đội ngũ cán bộ khoa học.

Qua hơn 10 năm thực hiện đổi mới, đội ngũ cán bộ khoa học các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế tài chính có sự gia tăng nhanh chóng ở mọi trình độ, song hiện nay chúng ta đang thiếu những cán bộ giỏi về quản lý doanh nghiệp, tài chính ngân hàng, những chuyên gia hàng đầu về kinh tế vĩ mô...

Tình trạng mất cân đối cũng thể hiện trong cơ cấu về trình độ đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ. Theo Bộ giáo dục và đào tạo hiện nay các trường đại học trong cả nước mỗi năm đào tạo gần 400.000. Trong khi số học sinh các trường công nhân kỹ thuật chỉ có 40.000. Trong khi các loại hình đào tạo bậc đại học đang được đa dạng hóa thì lại có tình trạng co cụm ở hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề - nơi cung cấp đội ngũ công nhân kỹ thuật viên lành nghề cho nền kinh tế. Số liệu thống kê từ 1985 đến 1995 cho thấy, ở nước ta trong khi số học sinh tiểu học tăng khoảng 25%, trung học cơ sở tăng 35%, phổ thông trung

học tăng 50%, đại học, cao đẳng tăng gấp hơn hai lần, thì số học sinh trung học chuyên nghiệp và dạy nghề lại giảm 20%. Tỷ lệ thí sinh thi vào các trường đại học so với thí sinh thi vào các trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề hiện nay là: 1 - 0,82 - 0,6. Từ đó dẫn đến sự bất hợp lý trong cơ cấu trình độ đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, hiện nay cứ một cán bộ đại học, thì có 1,65 cán bộ trung cấp và 3,2 công nhân kỹ thuật, so với các nước tiên tiến thì tỷ lệ này phải là 1 - 4 - 14.

Thứ tư; đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ đang có trình trạng lão hóa cả về tuổi tác và tri thức, tình trạng trẻ già nhưng...măng chưa mọc diễn ra khá phổ biến trong các cơ quan khoa học.

Hiện nay tuổi đời trung bình của cán bộ khoa học, công nghệ quá cao, nhất là số có trình độ trên đại học, theo thống kê thì hiện nay 63% tiến sĩ, 32% phó tiến sĩ và trên 20% đại học có tuổi đời trên 50. Một công trình nghiên cứu khá tỉ mỉ độ tuổi của cán bộ khoa học, công nghệ cho thấy [1]:

Tuổi trung bình của cán bộ khoa học, công nghệ công tác tại các viện nghiên cứu là 45 - 46, lứa tuổi trên 45 chiếm từ 65 - 70%. Tuổi trung bình khi bảo vệ luận án phó tiến sĩ là 47 - 50.

Độ tuổi của những nhà khoa học được phong học hàm giáo sư, phó giáo sư càng cao:

Giáo sư: độ tuổi từ 46 - 55 chiếm 39%

56 - 65 chiếm 54%

66 trở lên chiếm 7%

Phó giáo sư: độ tuổi từ 46 - 55 chiếm 47%

56 - 65 chiếm 39%

66 trở lên chiếm 14%

Ở Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn độ tuổi của giáo sư và phó giáo sư còn cao hơn nữa:

Giáo sư: độ tuổi từ 46 - 55 không có

56 - 65 chiếm 59%

66 trở lên chiếm 41%

Phó giáo sư: độ tuổi từ 46 - 55 chiếm 23%

56 - 65 chiếm 66%

66 trở lên chiếm 11%

Tình trạng lão hóa của lực lượng cán bộ khoa học, công nghệ, nhất là đội ngũ cán bộ có trình độ trên đại học cũng thấy rõ trong cuộc điều tra gần đây của Tổng cục thống kê tại các viện, trung tâm khoa học thuộc bộ, ngành ở trung ương: độ tuổi trung bình của tiến sĩ là 52,8, của phó tiến sĩ là 48,1, giáo sư 59,9, phó giáo sư 56,4, viện trưởng 55,0, viện phó 50,9... Theo ước tính nếu tuổi về hưu vẫn giữ như hiện nay thì năm 2000, một bộ phận khá lớn giáo sư khoảng

50%, phó giáo sư và tiến sĩ đều quá tuổi nghỉ hưu. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng lão hóa, tình trạng trẻ già nhưng...mãng chưa mọc nêu trên, đó là:

. Tốc độ đào tạo nguồn nhân lực cho khoa học, công nghệ đặc biệt là đào tạo các nhà khoa học có trình độ cao còn chậm, không kịp bổ sung cho số cán đã lớn tuổi.

. Cơ chế đãi ngộ, điều kiện làm việc...của các viện, các trung tâm nghiên cứu, các trường học hiện nay chưa có khả năng thu hút số cán bộ khoa học, công nghệ có trình độ và năng lực.

. Trong những năm qua áp lực về chỉ tiêu biên chế cũng ảnh hưởng đến việc bổ sung đội ngũ cán bộ trẻ để tiếp tục đào tạo nhằm thay thế cho các thế hệ đi trước.

Thực trạng trên đã dẫn đến nguy cơ là hiện nay vấn đề cán bộ khoa học, công nghệ đầu đàn đã thiếu hụt, nếu không có biện pháp đào tạo lực lượng trẻ thay thế, thì chỉ 5 - 10 năm tới, tình trạng thiếu cán bộ khoa học, công nghệ đầu đàn càng trầm trọng hơn.

Thứ năm; dưới tác động của cơ chế thị trường hiện nay, tình trạng chảy máu chất xám trong các doanh nghiệp nhà nước đã diễn ra ở mức báo động. Theo kết quả điều tra của Tổng cục thống kê tại 233 cơ quan khoa học, công nghệ ở trung ương, trong 3 năm (1992 - 1994) số người chuyển công tác là 2.667 người và số đến nhận công tác là 1.915 người. Như vậy số cán bộ khoa học, công nghệ chuyển qua các cơ quan đơn vị khác cao hơn nhiều so với số người đến làm việc.

. Số lượng và tỷ lệ dịch chuyển lao động khoa học, công nghệ trong 3 năm 1992 - 1994

	Số lượng dịch chuyển trong 3 năm 1992 - 1994		Tỷ lệ (%) số dịch chuyển so lao động có mặt 1.7.1995	
	Đi	Đến	Đi	Đến
Tổng số	2.667	1.915	12,0	8,5
Trong đó nữ	847	590	9,0	6,2
Giáo sư	14	2	11,4	1,5
Phó giáo sư	43	16	11,0	4,1
Tiến sĩ	16	10	8,6	5,3
Phó tiến sĩ	168	164	8,5	8,2
Thạc sĩ	28	22	8,1	6,3
Dại học cao đẳng	1269	1150	11,1	10,0
Dưới DHCĐ	1186	569	14,2	6,8

Nguồn: Kinh tế VN - Thực trạng, xu thế và giải pháp, Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội, 1996.

Bảng số liệu trên cho thấy ở mọi đối tượng, số chuyển đi đều cao hơn số chuyển đến, trong đó số cán bộ có học vị cao chuyển đi cao hơn nhiều so

với số chuyển đến.

Thực trạng trên cũng diễn ra khá phổ biến ở các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. Tính hấp dẫn của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã dẫn đến việc một bộ phận cán bộ khoa học, công nghệ làm việc trong các cơ quan nhà nước chuyển sang làm việc tại các công ty doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo số liệu điều tra của cơ quan thống kê gần đây qua thăm dò ý kiến 675 nhà khoa học về nguyên nhân có nhiều cán bộ khoa học, công nghệ rời bỏ đơn vị thì khoảng 1/3 cho là do muốn có thu nhập cao. Bên cạnh đó, do nhu cầu đời sống, nhiều cán bộ khoa học thực chất không còn làm khoa học mà dành thời gian cho các hoạt động khác kể cả lao động giản đơn để cải thiện thu nhập. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến việc các cơ quan nhà nước bị mất chất xám một cách chính thức hoặc không chính thức.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng còn nhiều mặt hạn chế của đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ ở nước ta hiện nay. Nhưng nguyên nhân chủ yếu là do chúng ta "thiếu chiến lược quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nên còn mất cân đối về đào tạo và sử dụng. Nhiều chính sách cán bộ chưa thỏa đáng và không kịp thời đổi mới. Chế độ tiền lương mang nặng tính bình quân. Lao động trí óc chưa được đãi ngộ xứng đáng" [3]

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước ta hiện nay, hơn lúc nào hết đang cần có một đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ hùng hậu, tương xứng với vai trò, nhiệm vụ của mình. Để làm được điều này chúng ta cần chú ý đến một số giải pháp cơ bản sau:

- Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ; trẻ hóa lực lượng; có những biện pháp khơi dậy nhiệt tình, ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với sự nghiệp khoa học của đất nước. - Phải thực sự coi việc đầu tư cho khoa học, công nghệ là đầu tư cho phát triển. Trên cơ sở đó có chính sách lương thỏa đáng đối với cán bộ khoa học, công nghệ, tạo điều kiện về cơ chế để đội ngũ này có thu nhập thích đáng thông qua các hợp đồng nghiên cứu và triển khai.

- Cần tạo ra môi trường thuận lợi cho hoạt động sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ: đầu tư trang thiết bị, đảm bảo lượng thông tin đa dạng, nhanh nhạy; có những hình thức tổ chức, phương pháp và cơ chế hoạt động hợp lý nhằm phát huy tối đa trí tuệ tập thể và tài năng cá nhân của các nhà khoa học; thiết lập bầu không khí dân chủ, tự do sáng tạo; hình thành môi trường xã hội coi trọng trí thức, nhân tài.

- Có biện pháp hợp lý trong việc

bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, có những chính sách cụ thể nhằm khuyến khích đối với những người làm công tác nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, những người tình nguyện làm việc ở các vùng nông thôn, miền núi, những nhà khoa học đầu ngành của đất nước.

- Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các nước về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ. Thu hút các chuyên gia giỏi của các nước hợp tác, giúp đỡ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật. Có những chính sách nhằm khuyến khích lực lượng trí thức người VN đang ở nước ngoài chuyển giao về đất nước những tri thức khoa học, công nghệ tiên tiến và trực tiếp trở về tổ chức cống hiến tài năng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tài liệu tham khảo chính:

1. Phạm Tất Dong (chủ biên); *Trí thức VN thực tiễn và triển vọng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. Lê Mạnh Hùng (chủ biên); *Kinh tế xã hội VN - Thực trạng, xu thế và giải pháp*, NXB Thống kê, Hà Nội, 1996.
3. Đảng cộng sản VN; *Nghị quyết Hội nghị trung ương 2 (khóa 8)*, Sài Gòn Giải Phóng, ngày 13.7.1997.
4. Các báo:
 - Sài Gòn Giải Phóng, 15.1.1997.
 - Tuổi Trẻ ngày, 26.11.1996.
 - Thanh Niên, ngày 16.1.1997.
 - Người Lao Động, 21.4.1997.

